

Số: 1167/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số
thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị; số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu; số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; số 1751/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; số 20/2025/QĐ-TTg ngày



01/07/2025 danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi; số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0; số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 07/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 5264/QĐ ngày 26/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 92/TTr-SKHHCN ngày 18/3/2026 về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược chuyển đổi số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030; định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung Chiến lược bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ: KHHCN, CA, NV;
- VPCP; VPTW Đảng;
- CT, các PCT UBND TP;
- VPTU;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: VX, NC, NV&KTGS;
- Trung tâm Phục vụ HCC TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**
(Kèm theo Quyết định số ~~1167~~ **1167**/QĐ-UBND ngày **31** / **3** /2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I
TÌNH HÌNH VÀ BỐI CẢNH KẾT THÚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Đánh giá kết quả và nhận diện điểm nghẽn chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025

Kết thúc giai đoạn 2021-2025, công cuộc số hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng ghi nhận nhiều bước tiến mang tính nền tảng, tạo tiền đề quan trọng phục vụ quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Số liệu tổng hợp từ Thống kê thành phố cho thấy, tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP đạt xấp xỉ 27,17%, chủ yếu hình thành từ khối công nghiệp phần cứng, lắp ráp điện tử và dịch vụ logistics ứng dụng nền tảng công nghệ. Hạ tầng số nhận sự quan tâm đầu tư bài bản, mạng viễn thông băng thông rộng phủ kín 100% các xã, phường, đặc khu; tỷ lệ người dân trưởng thành tiếp cận thiết bị thông minh vượt ngưỡng 85%.

Thành phố có nhiều nỗ lực cải cách hành chính khi tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình duy trì ổn định ở mức 78%. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) vận hành thông suốt, bước đầu phá vỡ rào cản thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giúp giảm tải chi phí tuân thủ, tiết kiệm thời gian cho cộng đồng doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nhìn vào thực tiễn, mức độ bứt phá chưa tương xứng với tiềm năng và quy mô nền kinh tế thành phố. Dưới góc độ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bộc lộ rõ ba điểm nghẽn chính:

Thứ nhất, tình trạng phân mảnh dữ liệu chuyên ngành diễn ra khá nghiêm trọng; các hệ thống thông tin đầu tư qua nhiều giai đoạn thiếu tiêu chuẩn kết nối đồng bộ dẫn đến “cát cứ dữ liệu” cục bộ, làm giảm hiệu năng phân tích, hỗ trợ ra quyết định của lãnh đạo các cấp.

Thứ hai, khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo truyền thống chậm thích ứng; số lượng doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) hay tự động hóa robot chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn.

Thứ ba, sự thiếu hụt nhân lực công nghệ chất lượng cao, đặc biệt trong mảng an toàn không gian mạng và khoa học dữ liệu tạo ra rủi ro chấp vá về mặt dài hạn. Môi trường thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các mô hình kinh

doanh số chưa được thể chế hóa đồng bộ, hạn chế sức hút đối với các quỹ đầu tư mạo hiểm và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Phân tích tương quan và định vị lợi thế cạnh tranh đặc thù

Việc đặt Hải Phòng vào bức tranh tổng thể, so sánh với các địa phương dẫn đầu giúp đánh giá khách quan về vị thế hiện tại. Đà Nẵng định hình thương hiệu qua chính quyền điện tử, dịch vụ công đô thị thông minh gắn liền hệ sinh thái du lịch. Thành phố Hồ Chí Minh duy trì vai trò đầu tàu nhờ mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sôi động cùng nền tảng thương mại điện tử khổng lồ. Quảng Ninh bứt tốc bằng các mô hình trung tâm điều hành thông minh (IOC) và số hóa thủ tục hành chính sâu rộng.

So sánh với nhóm dẫn đầu, Hải Phòng không chiếm ưu thế tuyệt đối về cung cấp dịch vụ công trực tuyến hay số lượng startup hướng tới người tiêu dùng, nhưng sở hữu hệ sinh thái công nghiệp - cảng biển - logistics quy mô bậc nhất khu vực phía Bắc. Lợi thế cạnh tranh đặc thù của thành phố nằm ở mảng số hóa chuỗi cung ứng và công nghiệp nặng. Sự giao thoa giữa kinh tế biển và luồng dữ liệu giao thương xuyên biên giới khiến cho Hải Phòng có năng lực thiết lập “hành lang logistics số”. Khi hạ tầng cảng nước sâu Lạch Huyện tích hợp sâu cùng hệ thống hải quan thông minh và nền tảng điều hành cảng, thời gian thông quan và chi phí lưu kho giảm mạnh, trực tiếp nâng tầm năng lực cạnh tranh cho hàng hóa xuất nhập khẩu quốc gia. Trọng tâm phát triển của Hải Phòng mang tính chất mô hình doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) và chính quyền với doanh nghiệp (B2G) rõ nét hơn so với các đô thị khác.

3. Bối cảnh mới và không gian tăng trưởng chiến lược

Bước sang giai đoạn 2026-2030, cấu trúc kinh tế toàn cầu bước vào chu kỳ định hình lại, đặc trưng bởi xu hướng chuyển đổi kép (Twin Transition) - số hóa đồng hành cùng xanh hóa. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, kết hợp cùng rào cản kỹ thuật như cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh Châu Âu, biến truy xuất nguồn gốc và kiểm soát phát thải thành tiêu chuẩn bắt buộc. Cùng với đó, các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo tạo sinh, vi mạch bán dẫn vượt qua vòng thử nghiệm, bước vào giai đoạn ứng dụng thương mại quy mô lớn.

Từ áp lực bối cảnh, các không gian tăng trưởng mới mở ra cho Hải Phòng rất rõ ràng:

Một là, kiến tạo khu công nghiệp sinh thái và thông minh. Số hóa toàn diện quy trình quản lý năng lượng, kiểm soát tự động tuần hoàn nước và chất thải hướng tới mục tiêu Net Zero. Đây là yếu tố quyết định định vị Hải Phòng thành điểm đến ưu tiên của dòng vốn FDI thế hệ mới.

Hai là, hình thành trung tâm dữ liệu (Data Hub) và kho vận thông minh. Khai thác vị trí địa kinh tế chiến lược cùng tuyến cáp quang biển, thành phố hội

tụ đủ dư địa quy hoạch các cụm máy chủ trung tâm, phục vụ lưu trữ, xử lý dữ liệu cho toàn Vùng Đồng bằng sông Hồng.

Ba là, phát triển kinh tế nền tảng hàng hải. Xây dựng các sàn giao dịch vận tải biển số, cung cấp dịch vụ logistics, tài chính, bảo hiểm chuỗi cung ứng hoàn toàn dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu thời gian thực.

Thực tiễn trên đòi hỏi tư duy quản trị kiến tạo từ bộ máy chính quyền. Quá trình chuyển đổi số trong giai đoạn tới vượt ra khỏi khuôn khổ mua sắm trang thiết bị đơn thuần, chuyển hóa thành cuộc “đại phẫu” về quy trình vận hành và cơ chế chính sách. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo đúng tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW có sứ mệnh trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tái cấu trúc nền kinh tế thành phố theo hướng thông minh, bền vững và tự chủ cao.

PHẦN II QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các định hướng chính tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Khẳng định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không dừng lại ở vai trò công cụ kỹ thuật đơn thuần, vươn lên trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tạo động lực bứt phá cho nền kinh tế thành phố. Quá trình này đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị.

Ưu tiên hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước. Xác định thể chế đóng vai trò dẫn dắt, kiến tạo khuôn khổ; công nghệ số, nền tảng số là công cụ hỗ trợ, thực thi. Dám nghĩ, dám làm trong việc thiết lập các môi trường thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình kinh doanh, dịch vụ công nghệ mới chưa có tiền lệ, nhằm khơi thông nguồn lực đầu tư xã hội hóa.

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và thước đo hiệu quả của công cuộc chuyển đổi số. Thiết kế các giải pháp công nghệ xuất phát từ bài toán thực tiễn, hướng tới mục tiêu: cắt giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đảm bảo tính đồng bộ, liên thông, chia sẻ dữ liệu xuyên suốt các cấp hành chính, xóa bỏ triệt để tình trạng cát cứ thông tin, cục bộ ngành dọc.

Triển khai chuyển đổi số gắn kết hữu cơ, không tách rời với tiến trình chuyển đổi xanh (chuyển đổi kép - Twin Transition). Lấy năng lực phân tích dữ liệu và số hóa quy trình làm nền tảng kỹ thuật quản trị phát thải, tối ưu hóa sử dụng năng lượng. Định hướng này bắt buộc áp dụng trong quy hoạch, vận hành các khu công nghiệp sinh thái, chuỗi cung ứng logistics và hệ thống cảng biển nước sâu, hướng tới hiện thực hóa mục tiêu Net Zero.

2. Tầm nhìn chiến lược đến năm 2030

Hải Phòng tăng tốc vươn lên vị thế địa phương đi đầu cả nước về chuyển đổi số toàn diện; định hình rõ nét và củng cố vững chắc mô hình thành phố công nghiệp hiện đại, thông minh, phát triển bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á.

Thành phố khẳng định vai trò trung tâm dịch vụ logistics quốc tế; kiến tạo mạng lưới luân chuyển hàng hóa toàn cầu vận hành hoàn toàn trên nền tảng số. Chuyển hóa thành công lợi thế địa kinh tế đặc thù để thiết lập hệ sinh thái công nghệ, đưa Hải Phòng trở thành Trung tâm dữ liệu (Data Hub) và Trung tâm đổi mới sáng tạo (Innovation Hub) trọng điểm, giữ vai trò chi phối, dẫn dắt liên kết Vùng Đồng bằng sông Hồng, đồng thời trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về phát triển hạ tầng số

Thu hút đầu tư, phối hợp triển khai đưa vào khai thác các tuyến cáp quang biển quốc tế mới cập bờ tại Hải Phòng, củng cố vị thế cửa ngõ kết nối viễn thông quốc gia.

Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm Tính toán hiệu năng cao (HPC), cung cấp năng lực xử lý vượt trội phục vụ nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data).

Phủ sóng mạng di động 5G thế hệ mới đạt tỷ lệ 100% trên toàn bộ khu vực dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, bến cảng.

Phấn đấu 100% người dùng trên địa bàn truy cập mạng internet bằng thông rộng cáp quang với tốc độ tối thiểu đạt 01 Gb/s.

b) Trụ cột Chính quyền số

Hoàn thiện mô hình quản trị công hiện đại, ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến tuân thủ nguyên tắc giải quyết hành chính phi địa giới hành chính, cho phép người dân và tổ chức tương tác với bộ máy nhà nước từ mọi không gian, thời gian.

Đạt tỷ lệ 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”. Hệ thống tự động hóa tiếp nhận, phân luồng và trả kết quả, loại bỏ hoàn toàn yêu cầu hiện diện trực tiếp tại bộ phận một cửa đối với các thủ tục đủ điều kiện.

Đạt tỷ lệ 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận được số hóa, gán mã định danh duy nhất, lưu trữ trên nền tảng dữ liệu tập trung của thành phố. Khai thác hiệu quả nguyên tắc “chỉ yêu cầu khai báo một lần”, tự động trích xuất và tái sử dụng dữ liệu trong các chu kỳ giao dịch tiếp theo.

c) Trụ cột Kinh tế số

Đưa kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chính, nâng cao năng suất lao động tổng hợp. Khuyến khích mạnh mẽ, tạo cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh chuyển đổi mô hình, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; mở rộng giao thương trên các sàn giao dịch số trong nước và quốc tế.

Khai thác thế mạnh công nghiệp và cảng biển, tập trung số hóa toàn diện quy trình giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B), doanh nghiệp với cơ quan nhà nước (B2G). Xây dựng thành công nền tảng quản trị chuỗi cung ứng hàng hải và kho vận thông minh kết nối liên vùng.

Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tăng nhanh số lượng doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi như trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn, năng lượng sạch hoạt động trên địa bàn.

d) Trụ cột Xã hội số

Chuẩn hóa năng lực đội ngũ thực thi công vụ. Đạt tỷ lệ 100% cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị làm chủ kỹ năng số, ứng dụng thành thạo các công cụ trí tuệ nhân tạo, phần mềm quản lý trong xử lý công việc và tham mưu chiến lược.

Phổ cập tiện ích số thiết yếu sâu rộng trong cộng đồng. Đạt tỷ lệ tối thiểu 90% dân số trưởng thành tiếp cận, sử dụng thường xuyên dịch vụ số trong các lĩnh vực trọng điểm: y tế (số sức khỏe điện tử, hồ sơ bệnh án số), giáo dục (tuyển sinh trực tuyến, học liệu số), bảo hiểm xã hội, giao thông công cộng.

Xây dựng môi trường mạng an toàn, tin cậy; bảo vệ nghiêm ngặt quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân; định hình văn hóa ứng xử văn minh, tuân thủ pháp luật trên không gian số đối với mọi người dân.

PHẦN III NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và truyền thông

Nhận thức đóng vai trò quyết định, nền tảng cho thành công trong công cuộc chuyển đổi số. Đây không chỉ là việc đầu tư trang thiết bị hay ứng dụng công nghệ thông tin, bản chất nằm ở sự thay đổi toàn diện phương thức điều hành, quản lý và tổ chức đời sống kinh tế - xã hội. Do đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quán triệt, truyền thông cần đi trước một bước, thực hiện thường xuyên, liên tục với quyết tâm chính trị cao nhất.

a) Đề cao vai trò, gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu:

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện việc thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý. Bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất về kết quả triển khai các chỉ tiêu nghị quyết, kế hoạch đề ra. Tuyệt đối không giao phó, khoán trắng nhiệm vụ quan trọng này cho lực lượng chuyên trách công nghệ thông tin.

Thành phố thống nhất đưa kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số thành tiêu chí chính, bắt buộc khi kiểm điểm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của tập thể lãnh đạo và cá nhân người đứng đầu.

Có hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có mô hình hay, cách làm sáng tạo; đồng thời kiên quyết kiểm điểm trách nhiệm đối với những đơn vị chậm trễ, trì trệ, đùn đẩy trách nhiệm trong việc số hóa, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng các nền tảng số dùng chung.

b) Đổi mới phương thức truyền thông, đa dạng hóa hình thức quán triệt:

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về chuyển đổi số cần chuyển biến mạnh mẽ về chất. Khắc phục tình trạng làm theo phong trào, hình thức; hướng tới các chiến dịch truyền thông thực chất, bám sát nhu cầu thực tiễn của từng nhóm đối tượng cụ thể. Yêu cầu trọng tâm đặt ra: chuyển dịch tư duy phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức từ “làm thay” sang “đồng hành”. Thay vì tiếp nhận hồ sơ giấy và tự nhập liệu thay cho công dân, cán bộ tại bộ phận một cửa các cấp trực tiếp hướng dẫn, cầm tay chỉ việc, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tự thao tác nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến. Cách làm này tạo lập thói quen, trang bị kỹ năng số lâu dài cho toàn xã hội.

Tổ chức đảng các cấp đưa chuyên đề cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin, kinh tế số vào nội dung sinh hoạt chi bộ định kỳ. Mỗi cán bộ, đảng viên gương mẫu, tiên phong ứng dụng các nền tảng số phục vụ công tác và đời sống sinh hoạt, từ đó tạo sức lan tỏa sâu rộng, truyền cảm hứng cho quần chúng nhân dân noi theo.

c) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp giữ vai trò nòng cốt tham gia vận động, tuyên truyền đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng. Lồng ghép các chương trình hành động cụ thể gắn với đặc thù nhiệm vụ của từng đoàn thể. Tiêu biểu như mô hình Hội Liên hiệp Phụ nữ hỗ trợ hội viên tiếp cận thương mại điện tử; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động chiến dịch tuổi trẻ xung kích đi đầu làm chủ công nghệ mới.

Đặc biệt chú trọng củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng tại từng thôn, bản, tổ dân phố. Lực lượng này bám sát phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, trực tiếp giúp đỡ người dân tiếp cận internet an toàn, cài đặt ứng dụng định danh điện tử, mở tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt và sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết yếu. Ủy ban nhân dân các cấp nghiên cứu, bố trí nguồn lực hợp lý, ban hành cơ chế hỗ trợ, động viên thiết thực nhằm duy trì ngọn lửa nhiệt huyết của lực lượng nòng cốt này. Họ chính là những “cánh tay nối dài” của chính quyền cơ sở, đưa lợi ích của nền tảng số, công nghệ số thâm nhập vào mọi ngõ ngách đời sống xã hội.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đột phá

Quán triệt định hướng chiến lược, thành phố kiên định quan điểm xác định thể chế là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là công cụ hỗ trợ quan trọng. Thực

tiền chứng minh công nghệ thay đổi từng ngày, nếu khung pháp lý chậm nhịp, cứng nhắc, toàn bộ hệ thống quản lý rơi vào thế bị động. Việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thông thoáng mang tính quyết định để bứt phá. Cần tập trung rà soát, sửa đổi và ban hành mới các cơ chế, chính sách đặc thù, phân nhóm cụ thể như sau:

a) Nhóm chính sách kiến tạo chính quyền số:

Tiến hành rà soát toàn diện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của thành phố, kịp thời bãi bỏ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, gây cản trở quá trình ứng dụng nền tảng số.

Xây dựng, ban hành quy chế chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan nhà nước, thiết lập cơ sở pháp lý vững chắc để xóa bỏ triệt để tình trạng “cát cứ dữ liệu” giữa các ngành.

Nghiên cứu, tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết quy định chính sách giảm phí, lệ phí đối với người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính qua công dịch vụ công trực tuyến. Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến so với quy trình nộp trực tiếp nhằm tạo động lực vật chất, thời gian, khuyến khích công dân thay đổi thói quen giao dịch truyền thống. Bổ sung các quy định công nhận giá trị pháp lý của hồ sơ, tài liệu điện tử, chữ ký số tương đương văn bản giấy trong toàn bộ quy trình công vụ.

b) Nhóm chính sách thúc đẩy kinh tế số:

Thiết kế và trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số chưa có quy định pháp luật điều chỉnh. Tạo không gian an toàn cho cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo triển khai giải pháp đột phá trong các lĩnh vực mang tính lợi thế của Hải Phòng như logistics thông minh, cảng biển điện tử, thương mại xuyên biên giới.

Ban hành chính sách hỗ trợ tài chính, tư vấn công nghệ chuyên sâu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi mô hình quản trị, tối ưu hóa quy trình sản xuất lên môi trường mạng.

Ưu tiên bố trí quỹ đất, áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất trong khung quy định cho các dự án xây dựng trung tâm dữ liệu, hạ tầng viễn thông, cơ sở nghiên cứu công nghệ cao tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

c) Nhóm chính sách phát triển xã hội số:

Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ cước phí viễn thông, thiết bị thông minh kết nối internet cho hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, dân cư sinh sống tại khu vực hải đảo, bảo đảm nguyên tắc công bằng, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình số hóa.

Thực hiện chính sách xã hội hóa, huy động nguồn lực từ khối doanh nghiệp tư nhân cùng tham gia xây dựng các nền tảng y tế từ xa, giáo dục trực tuyến.

Đưa ra cơ chế đãi ngộ đặc thù, vượt trội để thu hút chuyên gia giỏi, kỹ sư an toàn thông tin chất lượng cao về làm việc tại hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố.

d) Phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện:

Quá trình dự thảo nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách tạo đột phá yêu cầu sự chủ động từ cấp cơ sở. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã giữ vai trò nòng cốt, rà soát trực tiếp từ thực tiễn thi hành pháp luật tại lĩnh vực, địa bàn quản lý. Các đơn vị chịu trách nhiệm phát hiện những điểm nghẽn, mâu thuẫn trong thực thi, từ đó đề xuất lên cấp trên các chính sách mới, sát với nhu cầu thực tiễn.

Sở Tư pháp phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phát sinh trong quá trình triển khai Chiến lược thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành.

Sở Khoa học và Công nghệ cùng Công an thành phố thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật, mức độ an toàn thông tin và sự phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện đại. Quy trình phối hợp chéo này bảo đảm mỗi cơ chế khi ban hành đều đáp ứng song song hai tiêu chí: chặt chẽ về pháp lý và tối ưu về công nghệ.

3. Phát triển hạ tầng số và nền tảng số

Hạ tầng và nền tảng số cấu thành “mạch máu” vật lý và tư duy kiến trúc vĩ mô của chính quyền số, của đô thị thông minh thành phố. Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực này đòi hỏi tầm nhìn xa, bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng khối lượng dữ liệu khổng lồ phát sinh trong tương lai. Để hiện thực hóa mục tiêu này, thành phố tập trung triển khai quyết liệt ba nhóm giải pháp trụ cột:

a) Về phát triển hạ tầng số đồng bộ, chiến lược:

Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu tập trung vào việc thiết lập chiến lược tổng thể 10 năm về đầu tư phát triển hạ tầng số toàn thành phố. Chiến lược này khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, chắp vá, kiến tạo một hệ sinh thái kết nối băng thông siêu rộng, công suất lớn, độ trễ cực thấp.

Giai đoạn đến năm 2030, nguồn lực ưu tiên dồn trọng tâm phủ sóng mạng thông tin di động 5G và các thế hệ mạng tiên tiến tiếp theo tại những vị trí mang tính đặc thù, cấu thành lợi thế cạnh tranh tuyệt đối của Hải Phòng. Mạng lưới 5G phủ kín toàn bộ hệ thống cảng biển cửa ngõ quốc tế, mạng lưới các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm và các quần thể du lịch sinh thái. Hạ tầng viễn thông hiện đại này đóng vai trò nền tảng bắt buộc để vận hành hệ thống cần cầu tự động, xe tự hành (AGV) tại các bến cảng thông minh, điều phối chuỗi cung ứng logistics toàn cầu và nâng tầm trải nghiệm số cho du khách quốc tế.

Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi toàn bộ mạng lưới công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước sang ứng dụng địa chỉ giao thức mạng thế hệ mới (IPv6).

b) Về triển khai nền tảng số đột phá mang tầm vóc đô thị:

Nhiệm vụ mũi nhọn, tạo sự khác biệt căn bản của Hải Phòng so với các địa phương khác nằm ở việc nghiên cứu, đưa vào vận hành Nền tảng bản sao số (Digital Twin) cấp thành phố. Mô hình này đánh dấu bước chuyển mình lịch sử trong tư duy quản trị đô thị, dịch chuyển từ phương pháp quản lý bản vẽ vật lý truyền thống sang không gian ảo hóa 3D trực quan. Nền tảng này thực hiện thu thập, đối soát kho dữ liệu không lồ từ hệ thống cảm biến IoT, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và dữ liệu viễn thám, tạo lập mô hình không gian số phản ánh chính xác trạng thái thực tại của thành phố theo thời gian thực.

Thông qua hệ thống Bản sao số, các cơ quan tham mưu thực hiện công tác mô phỏng, đánh giá tác động của mọi kịch bản quy hoạch đô thị, tổ chức phân luồng giao thông chống ùn tắc, kiểm soát ngập lụt và phát triển mở rộng các khu công nghiệp trọng điểm trước khi đề xuất quyết định đầu tư thực tế. Công cụ này giúp tối ưu hóa nguồn lực ngân sách, triệt tiêu rủi ro quy hoạch và nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất công.

c) Về phát triển ứng dụng, dịch vụ số phục vụ chỉ đạo, điều hành:

Thành phố dồn lực hoàn thiện cấu trúc Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC). Định vị rõ hệ thống IOC đóng vai trò “bộ não số” trung tâm, quy tụ, xử lý, phân tích mọi luồng thông tin, số liệu từ các ngành, lĩnh vực, địa phương. Hệ thống tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) thực hiện chức năng phân tích xu hướng, cảnh báo sớm các rủi ro về ách tắc giao thông, chỉ số ô nhiễm môi trường, biến động thu ngân sách và tình hình an ninh trật tự trên diện rộng.

“Bộ não số” IOC cung cấp các hệ thống biểu đồ trực quan, báo cáo phân tích dữ liệu chuyên sâu, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành, ra quyết định tức thời của Thường trực Thành ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố. Thông qua các thiết bị đầu cuối di động, lãnh đạo thành phố nắm bắt toàn cảnh hơi thở kinh tế - xã hội mọi lúc, mọi nơi; từ đó truyền đạt mệnh lệnh hành chính xuyên suốt đến các thiết chế cơ sở một cách chuẩn xác, rút ngắn tối đa độ trễ trong khâu điều hành.

d) Về cơ chế phối hợp thực hiện và huy động nguồn lực:

Quá trình xây dựng kiến trúc hạ tầng và nền tảng số mang tính chất phức tạp, hàm lượng công nghệ cao. Trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ đảm nhận vai trò cơ quan dẫn dắt định hướng công nghệ, chủ trì thẩm định các tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm tính tương thích, an toàn thông tin trước khi áp dụng trên diện rộng.

Bên cạnh nguồn vốn đầu tư công thực hiện vai trò “vốn môi”, thành phố kiến tạo cơ chế thông thoáng nhằm huy động tối đa tiềm lực tài chính, nhân lực

chuyên môn cao từ các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông lớn đóng chân trên địa bàn. Khuyến khích khối doanh nghiệp công nghệ chủ động tham gia xây dựng, duy trì, vận hành các trung tâm dữ liệu, trạm phát sóng theo phương thức hợp tác công tư. Sự cộng hưởng chặt chẽ giữa tư duy quản lý nhà nước và sức sáng tạo, năng lực công nghệ của cộng đồng doanh nghiệp tạo thành bộ phóng vũng chắc, đưa Hải Phòng vươn lên vị thế cực tăng trưởng hiện đại, thông minh bậc nhất Vùng Đồng bằng sông Hồng.

4. Xây dựng chính quyền số

Xây dựng chính quyền số được xác định là khâu đột phá chiến lược, đóng vai trò kiến tạo nền tảng và dẫn dắt toàn bộ tiến trình phát triển kinh tế số, xã hội số của thành phố. Khắc phục triệt để tư duy ứng dụng công nghệ thông tin đơn thuần vào một bộ máy vận hành theo phương thức cũ. Nhiệm vụ chính hiện nay là tiến hành một cuộc cách mạng thực sự về lề lối làm việc, tổ chức lại quy trình nghiệp vụ hành chính dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số, hướng tới một nền hành chính phục vụ, tinh gọn, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả. Thành phố tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

a) Chuyển đổi toàn diện phương thức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước:

Thực hiện bước chuyển dứt khoát từ môi trường làm việc dựa trên văn bản giấy truyền thống sang môi trường làm việc số toàn diện. Đẩy mạnh công tác số hóa hồ sơ, tài liệu, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ của từng cơ quan, đơn vị. Chấm dứt tình trạng xử lý công việc thủ công, rời rạc, thiếu tính liên kết. Yêu cầu đặt ra là phải đưa 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp lên môi trường mạng, ngoại trừ các văn bản, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định pháp luật.

Việc khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành phải đi vào thực chất. Áp dụng triệt để chữ ký số cá nhân, chữ ký số cơ quan trong mọi khâu từ soạn thảo, trình duyệt, ký ban hành đến lưu trữ văn bản. Song song với việc trang bị công cụ, cần chú trọng đào tạo, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa làm việc số, thói quen tương tác trên môi trường mạng cho toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức. Xóa bỏ tâm lý e ngại công nghệ, kiên quyết xử lý trách nhiệm những cá nhân, tập thể có biểu hiện né tránh, chậm trễ trong việc tiếp cận và ứng dụng các nền tảng làm việc số do thành phố triển khai.

b) Cải cách hành chính triệt để, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm:

Ứng dụng tối đa các công nghệ lõi để tái cấu trúc toàn bộ quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Xóa bỏ hoàn toàn rào cản về không gian vật lý trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, chính thức đưa vào vận hành đồng bộ mô hình cung cấp dịch vụ công “phi địa giới hành chính”. Người

dân, doanh nghiệp trên toàn địa bàn Hải Phòng có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp tại bất kỳ bộ phận một cửa cấp xã, cấp huyện nào thuận tiện nhất, không phụ thuộc vào nơi đăng ký thường trú hay địa bàn đặt trụ sở hoạt động.

Quyết liệt đưa 100% giao dịch hành chính đủ điều kiện vào diện “phi tiếp xúc”. Xử lý hồ sơ xuyên suốt từ khâu tiếp nhận, thẩm định đến trả kết quả hoàn toàn trên môi trường điện tử (end-to-end). Cách làm này triệt tiêu môi trường phát sinh những nhiễu, tiêu cực vặt, tiết kiệm tối đa chi phí tuân thủ, chi phí cơ hội cho toàn xã hội. Đồng thời, bảo đảm mục tiêu 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, gắn mã định danh duy nhất và lưu trữ an toàn trên hệ thống. Áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc “chỉ cung cấp thông tin một lần”, cho phép công dân, tổ chức tái sử dụng dữ liệu đã được các cơ quan nhà nước thẩm định, xác thực trong những lần giao dịch tiếp theo.

c) Khai thông nguồn tài nguyên dữ liệu số, kiến tạo bộ máy điều hành thông minh:

Xác định dữ liệu là nguồn tài nguyên vô giá, duy trì sự vận hành của chính quyền số. Thành phố ưu tiên bố trí nguồn lực, tập trung chỉ đạo các sở, ngành đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện và chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, mang tính nền tảng như: cơ sở dữ liệu về đất đai, quy hoạch xây dựng, dân cư, y tế, giáo dục, đăng ký doanh nghiệp và bảo hiểm. Chấm dứt triệt để tình trạng “cát cứ dữ liệu”, phân tán thông tin, cục bộ ngành lĩnh vực.

Triển khai các giải pháp kỹ thuật, ban hành quy chế pháp lý đồng bộ nhằm kết nối, liên thông, chia sẻ xuyên suốt các hệ thống cơ sở dữ liệu phân tán này, qua đó chính thức hình thành Kho dữ liệu dùng chung của thành phố. Yêu cầu bắt buộc đối với Kho dữ liệu này là phải được cập nhật thường xuyên, liên tục theo thời gian thực, bảo đảm tuyệt đối tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”. Trên nền tảng nguồn dữ liệu này, khai thác sức mạnh của trí tuệ nhân tạo (AI), các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để trích xuất, tổng hợp thành các biểu đồ, kịch bản, báo cáo phân tích đa chiều. Từ đó, phục vụ đắc lực, trực tiếp cho công tác dự báo vĩ mô, giúp Thường trực Thành ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố có đầy đủ căn cứ đưa ra các quyết sách chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, chính xác, minh bạch, chuyển đổi hoàn toàn từ phương thức ra quyết định dựa trên kinh nghiệm chủ quan sang phương thức điều hành dựa trên minh chứng dữ liệu (data-driven).

5. Phát triển kinh tế số (các trụ cột Công nghiệp - Cảng biển - Du lịch)

Phát triển kinh tế số đóng vai trò động lực trung tâm để Hải Phòng bứt phá, vươn lên xác lập vị thế cực tăng trưởng hiện đại của Vùng Đồng bằng sông Hồng. Quán triệt sâu sắc quan điểm “phát triển chuyển đổi số phải gắn liền với chuyển đổi xanh” (chuyển đổi kép - Twin Transition) theo tinh thần Nghị quyết

số 57-NQ/TW, thành phố kiến tạo lộ trình số hóa nền kinh tế tập trung mũi nhọn vào ba trụ cột chính: Công nghiệp, Cảng biển và Du lịch. Xuyên suốt các trụ cột này, định hướng khuyến khích, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử sâu rộng trong mọi thành phần kinh tế được coi là công cụ phân phối chủ lực. Dưới góc độ điều hành vĩ mô, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chủ trì cùng Sở Tài chính cân đối ngân sách, thiết kế cơ chế ưu đãi tài chính, phối hợp chặt chẽ cùng các sở, ban, ngành chuyên môn để khơi thông nguồn lực đầu tư, hiện thực hóa các mục tiêu đột phá sau:

a) Trụ cột Công nghiệp: Hướng tới mô hình nhà máy thông minh và sản xuất xanh

Mục tiêu chính tập trung chuyển dịch nền công nghiệp gia công truyền thống sang công nghiệp công nghệ cao, ứng dụng toàn diện nền tảng số vào quy trình sản xuất. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phối hợp cùng Sở Công Thương khẩn trương rà soát, ban hành tiêu chí và gói hỗ trợ doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện số hóa dây chuyền công nghệ.

Trọng tâm ưu tiên bố trí nguồn lực khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư ứng dụng internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) nhằm tự động hóa quy trình, từng bước định hình mô hình “nhà máy thông minh”. Tại các cơ sở này, hệ thống máy móc cần được kết nối liên thông, tự động thu thập, phân tích thông số kỹ thuật theo thời gian thực, qua đó tối ưu hóa năng suất lao động và giảm thiểu tỷ lệ vật tư tiêu hao.

Yêu cầu bắt buộc việc số hóa quản trị sản xuất phải gắn liền với mục tiêu giảm phát thải; ứng dụng công nghệ cảm biến để kiểm soát mức độ tiêu hao năng lượng, giám sát chặt chẽ khí thải nhà kính. Thành phố tập trung nguồn vốn môi hỗ trợ các khu công nghiệp tiên phong chuyển đổi sang mô hình khu công nghiệp sinh thái số, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe về phát thải ròng bằng “0” (Net Zero), nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới.

b) Trụ cột Cảng biển và Logistics: Thiết lập trung tâm điều phối thông minh toàn cầu

Khai thác triệt để lợi thế địa kinh tế của Hải Phòng, quá trình chuyển đổi số lĩnh vực cảng biển và logistics được xác định là khâu đột phá chiến lược. Nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên nguồn vốn phát triển hạ tầng để đưa vào vận hành Nền tảng cảng biển thông minh (Smart Port), gắn chặt với tiêu chuẩn cảng xanh và phục vụ trực tiếp công tác quản lý, điều hành Khu thương mại tự do (Free Trade Zone - FTZ) thế hệ mới.

Triển khai số hóa toàn diện quy trình vận hành bốc dỡ, quản lý kho bãi, điều phối giao nhận và kiểm soát an ninh cảng biển. Xây dựng nền tảng kết nối liên thông dữ liệu thời gian thực giữa các doanh nghiệp khai thác cảng, cơ quan hải quan, đơn vị kinh doanh kho bãi và hệ thống vận tải đa phương thức gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Đặc biệt, khẩn trương kiến tạo hệ

thống dữ liệu số lõi riêng biệt cho Khu thương mại tự do, bảo đảm mọi hoạt động khai báo hải quan, kiểm tra chuyên ngành, giám sát hàng hóa và quản lý các luồng thuế phi thuế quan bên trong FTZ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, bảo đảm khép kín, minh bạch và tự động hóa. Sự xuyên suốt về luồng thông tin điện tử giúp điều hướng luồng hàng hóa tối ưu, rút ngắn tối đa thời gian thông quan, giảm ách tắc giao thông quanh khu vực cảng, từ đó cắt giảm tỷ trọng chi phí logistics.

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chủ trì tham mưu các cơ chế ưu đãi tài chính, miễn, giảm phí sử dụng hạ tầng đối với nhóm doanh nghiệp giao nhận ứng dụng vận đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt hoạt động trong ranh giới FTZ.

Sở Công Thương phối hợp cùng Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thúc đẩy các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ứng dụng thương mại điện tử xuyên biên giới, tận dụng tối đa hàng rào phi thuế quan đột phá của FTZ, trực tiếp đưa hàng hóa trung chuyển qua Hải Phòng hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

c) Trụ cột Du lịch: Kiến tạo hệ sinh thái du lịch thông minh, nâng tầm trải nghiệm

Ngành công nghiệp không khói của thành phố cần thực hiện chuyển đổi toàn diện về phương thức quảng bá, quản lý dịch vụ thông qua công nghệ số. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các địa phương trọng điểm trên địa bàn thành phố triển khai quyết liệt giải pháp số hóa di sản, số hóa điểm đến. Nhiệm vụ cấp bách tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái du lịch thông minh, nòng cốt là Cổng thông tin du lịch và ứng dụng hỗ trợ du khách trên thiết bị di động. Các nền tảng này cần tích hợp công nghệ bản đồ số 3D, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) cho phép du khách quốc tế và nội địa trải nghiệm trực quan không gian điểm đến. Thiết lập Nền tảng du lịch thông minh liên thông dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, điểm tham quan, mạng lưới nhà hàng (đạt chuẩn) và đơn vị vận tải. Kho dữ liệu thu thập từ nền tảng này cung cấp thông tin phân tích hành vi, xu hướng tiêu dùng, giúp các cơ quan quản lý điều chỉnh chiến lược xúc tiến đầu tư, định hình các sản phẩm du lịch mang tính cá nhân hóa, khẳng định thương hiệu du lịch Hải Phòng trên bản đồ số quốc tế.

6. Phát triển xã hội số và nhân lực số chất lượng cao

Xác định con người giữ vai trò trung tâm, chủ thể và là mục tiêu của mọi chiến lược phát triển, tiến trình số hóa của Hải Phòng chỉ thực sự bứt phá và bền vững khi sở hữu đội ngũ nhân lực tinh nhuệ cùng một cộng đồng công dân có khả năng thích ứng cao với công nghệ. Dưới sự chủ trì của Sở Nội vụ, thành phố tập trung ưu tiên phân bổ nguồn lực, kiến tạo môi trường thuận lợi để triển khai đồng bộ hai nhóm nhiệm vụ chính sau:

a) Đào tạo, phát triển nhân lực số

Chất lượng nguồn nhân lực định hình trực tiếp hiệu năng hoạt động của bộ máy hành chính và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm rà soát, quy hoạch lại toàn bộ khung năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn thành phố. Xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, bảo đảm hoàn thành mục tiêu 100% cán bộ, công chức làm chủ kỹ năng số. Việc trang bị kỹ năng không dừng lại ở mức độ thao tác máy tính cơ bản, mà phải nâng tầm thành tư duy phân tích dữ liệu, ứng dụng thành thạo các nền tảng công nghệ vào quy trình xử lý công việc chuyên môn. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cần đặc biệt chú trọng khâu xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trên môi trường số, thiết lập chuẩn mực ứng xử văn minh, trách nhiệm và bảo mật thông tin cho đội ngũ thực thi công vụ.

Đối với tình trạng cạnh tranh nhân lực chất lượng cao ngày càng gay gắt, thành phố khẩn trương thiết kế và ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ vượt trội. Mục đích nhằm tạo sức hút đủ mạnh đối với các chuyên gia công nghệ, kỹ sư dữ liệu lớn, chuyên gia an toàn thông tin về công tác tại hệ thống cơ quan nhà nước. Đối với nguồn nhân lực phục vụ khu vực kinh tế tư nhân, Sở Nội vụ đóng vai trò cầu nối, phối hợp cùng các cơ sở giáo dục đại học đổi mới chương trình đào tạo tại các trường đại học, lồng ghép STEM và giáo dục kỹ năng số vào chương trình giảng dạy. Động thái này bám sát yêu cầu thực tiễn, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lao động chất lượng cao đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư công nghiệp bán dẫn, logistics thông minh vào các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn.

b) Xây dựng công dân số và xã hội số

Phát triển xã hội số mang ý nghĩa định hướng xã hội sâu sắc, hướng tới mục tiêu chính nâng cao chất lượng sống, bảo đảm mọi người dân đều bình đẳng thụ hưởng thành quả từ tiến bộ công nghệ. Quá trình kiến tạo này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng, có chiều sâu giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và Sở Xây dựng. Các đơn vị tập trung triển khai giải pháp phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng, kiên quyết hiện thực hóa chỉ tiêu 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

Cụ thể hóa yêu cầu trên, lĩnh vực y tế đẩy mạnh triển khai đồng bộ hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử và nền tảng tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, giúp người dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao ngay tại tuyến cơ sở. Lĩnh vực giáo dục tập trung phát triển học liệu số và các nền tảng dạy học trực tuyến, xây dựng môi trường học tập mở, hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập, tạo điều kiện cho mọi người dân tiếp cận cơ hội học tập suốt đời. Lĩnh vực xây dựng và phát triển đô thị cung cấp các nền tảng ứng dụng thông minh, cho phép cư dân tương tác trực tiếp, phản ánh kiến nghị về tình trạng hạ

tăng giao thông, môi trường, trật tự đô thị đến các cơ quan quản lý một cách nhanh chóng, minh bạch.

Công tác phát triển xã hội số bám sát nguyên tắc chính: không để ai bị bỏ lại phía sau. Các cấp chính quyền địa phương lồng ghép nguồn lực thu hẹp khoảng cách số giữa khu vực trung tâm đô thị và vùng nông thôn, hải đảo. Tổ chức các chiến dịch hướng dẫn người dân sử dụng thiết bị thông minh, cài đặt định danh điện tử, thực hiện thanh toán không tiền mặt. Đặc biệt chú trọng trang bị kỹ năng nhận diện rủi ro, hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số an toàn, bảo mật dữ liệu cá nhân trên không gian mạng. Việc bồi đắp thói quen số lành mạnh từng bước kiến tạo một cộng đồng công dân số toàn diện, làm nền tảng vững chắc để xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố thông minh, văn minh và đáng sống.

7. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và tinh thần chính tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, thành phố xác định bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ vững chắc chủ quyền số quốc gia là điều kiện tiên quyết, mang tính sống còn. Quá trình phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phải gắn kết hữu cơ, không thể tách rời với nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên không gian mạng. Hệ thống dữ liệu khổng lồ của thành phố, đặc biệt là dữ liệu về quy hoạch chiến lược, hạ tầng khu công nghiệp, lưu lượng hàng hóa qua cảng biển quốc tế chính là tài nguyên quốc gia bất khả xâm phạm. Mọi thành quả của công cuộc chuyển đổi số chỉ thực sự bền vững khi kho tài nguyên này được bảo vệ an toàn tuyệt đối.

Trên cơ sở định hướng đó, thành phố tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm, trong đó giao Công an thành phố giữ vai trò chủ công, nòng cốt phối hợp cùng các lực lượng lập chiến công trên mặt trận mới:

a) Xây dựng thể trận an ninh nhân dân trên không gian mạng:

Công an thành phố chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy quân sự thành phố thiết lập thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc trên không gian số. Lực lượng vũ trang thành phố chủ động nắm chắc tình hình, dự báo từ sớm, từ xa các nguy cơ, mối đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Kiên quyết đấu tranh, bóc gỡ, vô hiệu hóa các đường dây tội phạm sử dụng công nghệ cao, nhất là tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trực tuyến, đánh cắp dữ liệu cá nhân, buôn bán dữ liệu trái phép. Ngăn chặn triệt để các chiến dịch tấn công mạng có chủ đích (APT) nhằm vào hệ thống thông tin trọng yếu của cơ quan Đảng, Nhà nước và các hạ tầng kinh tế lõi của Hải Phòng.

b) Hoàn thiện hệ thống lá chắn kỹ thuật và năng lực thực chiến:

Giao Công an thành phố phối hợp khẩn trương hoàn thiện, nâng cấp và vận hành hiệu quả Trung tâm an ninh mạng (SOC) của thành phố. Định vị đây là

trung tâm chỉ huy tác chiến điện tử hiện đại, thực hiện nhiệm vụ giám sát 24/7, phát hiện sớm và cảnh báo kịp thời mọi hành vi dò quét, xâm nhập trái phép. Lực lượng chuyên trách thường xuyên tổ chức các chiến dịch rà quét, bóc gỡ mã độc trên diện rộng đối với toàn bộ mạng lưới máy tính của bộ máy hành chính. Điểm nhấn đột phá là việc chuyển đổi toàn diện phương thức diễn tập an toàn thông tin từ mô hình theo kịch bản lý thuyết sang tổ chức diễn tập thực chiến phòng thủ không gian mạng hàng năm. Hình thức này đặt hệ thống vào trạng thái giả định bị tấn công thực tế, qua đó trực tiếp rèn luyện bản lĩnh, đo lường năng lực phản ứng nhanh và phối hợp tác chiến của đội ngũ chuyên gia kỹ thuật.

c) Thực thi nguyên tắc an toàn từ khâu thiết kế:

Áp dụng kỷ luật thép đối với công tác phát triển phần mềm và nền tảng số. Mọi hệ thống thông tin của thành phố trước khi đưa vào vận hành chính thức bắt buộc phải hoàn thành quy trình kiểm tra, đánh giá và được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp chặt chẽ cùng lực lượng công an thực hiện xuất sắc vai trò gác cổng về mặt công nghệ; tham gia thẩm định hồ sơ kỹ thuật, yêu cầu các chủ đầu tư tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn an toàn thông tin ngay từ bước thiết kế kiến trúc hệ thống ban đầu (Security by design). Khuyến khích mạnh mẽ và ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp phòng chống tấn công mạng “Make in Việt Nam”. Chủ trương này giúp hệ thống giảm thiểu nguy cơ cài cắm cửa hậu (backdoor) từ thiết bị ngoại nhập, tiến tới làm chủ công nghệ lõi và bảo đảm khả năng tự cường nền công nghiệp công nghệ thông tin.

d) Nâng cao “sức đề kháng số” cho toàn dân:

Bảo vệ chủ quyền số không chỉ dựa vào lực lượng chuyên trách mà cần huy động sức mạnh của toàn dân. Công an thành phố kết hợp cùng các đoàn thể chính trị - xã hội liên tục đổi mới phương thức tuyên truyền, đưa thông tin nhận diện thủ đoạn tội phạm mạng đến từng tổ dân phố, cụm dân cư. Mục tiêu chính nhằm trang bị cho mỗi công dân kiến thức cơ bản để tự bảo vệ tài sản số, bảo vệ thông tin cá nhân và hình thành bộ lọc tự nhiên trước các luồng thông tin xấu độc. Việc bồi đắp văn hóa sử dụng mạng an toàn từng bước kiến tạo một môi trường không gian mạng kỷ cương, lành mạnh, góp phần đắc lực vào sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

8. Đẩy mạnh hợp tác và liên kết vùng, quốc tế

Trong kỷ nguyên số, các ranh giới hành chính địa lý truyền thống dần bị xóa nhòa. Việc tự cô lập trong kho dữ liệu cục bộ đi ngược lại quy luật phát triển, làm suy giảm sức cạnh tranh chính của địa phương. Mở rộng không gian hợp tác, thiết lập mạng lưới liên kết vùng chặt chẽ và hội nhập quốc tế sâu rộng là con đường ngắn nhất để Hải Phòng tiếp cận công nghệ mới, huy động tối đa nguồn lực bên ngoài. Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hai nhóm nhiệm vụ chiến lược sau:

a) Đẩy mạnh liên kết vùng

Cụ thể hóa định hướng tại Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển Vùng Đồng bằng sông Hồng, Hải Phòng nhận lãnh sứ mệnh vươn lên trở thành cực tăng trưởng số, trung tâm logistics thông minh điều phối toàn bộ chuỗi cung ứng của cả vùng. Thành phố chủ động đề xuất cơ chế phối hợp, kiến tạo không gian số liền mạch với các tỉnh, thành phố trong khu vực, trong đó định vị trực liên kết Hải Phòng - Hà Nội - Quảng Ninh làm trọng tâm đột phá.

Nhiệm vụ chính tập trung vào việc đàm phán, ký kết các quy chế kết nối hạ tầng số và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung cấp vùng. Trọng tâm ưu tiên tích hợp dữ liệu thuộc các lĩnh vực giao thông vận tải, hải quan, du lịch và môi trường. Mục tiêu nhằm xóa bỏ mọi rào cản thông tin, hình thành hệ sinh thái vận tải đa phương thức thông minh; bảo đảm luồng phương tiện, hàng hóa xuất phát từ các khu công nghiệp thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ được giám sát, điều hướng và thông quan tự động xuyên suốt cho đến khi lên tàu tại hệ thống cảng biển cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

Thành phố phối hợp cùng tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Bắc Ninh xây dựng nền tảng quản lý, quảng bá du lịch thông minh liên tuyến, điển hình là Di sản thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long – Quần đảo Cát Bà, Di sản văn hoá thế giới Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm – Côn Sơn - Kiếp Bạc cung cấp trải nghiệm số liền mạch cho du khách. Đẩy mạnh chia sẻ tài nguyên tính toán, hỗ trợ các địa phương lân cận trong công tác dự phòng thảm họa, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Sự liên kết hữu cơ này cộng hưởng sức mạnh, tối ưu hóa chi phí logistics, qua đó gia tăng lợi thế cạnh tranh tổng thể để thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao vào toàn vùng.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế

Mở rộng, làm sâu sắc hơn các mối quan hệ với các đối tác quốc tế. Đưa nội dung chuyên đổi số, phát triển kinh tế số thành nội dung trọng tâm trong các chương trình làm việc, nội dung hợp tác giữa thành phố Hải Phòng với các địa phương, tổ chức nước ngoài.

Tổ chức các đoàn công tác, các diễn đàn, hội thảo, các lớp tập huấn chuyên sâu để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương, đối tác nước ngoài có thể mạnh và triển khai hiệu quả công tác chuyên đổi số, để thúc đẩy phát triển công tác chuyển đổi số thành phố, trọng tâm là xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển thành phố.

Tích cực, chủ động thu hút nguồn lực ngoại lực từ các địa phương, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài. Nghiên cứu, xây dựng chính sách nhằm thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới, trọng tâm thu hút các doanh nghiệp có các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), sản xuất vi mạch bán dẫn, công nghệ AI tại các khu công nghiệp.



PHẦN IV NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước không bao cấp toàn bộ mà giữ vai trò “vốn môi” dẫn dắt, tạo nền tảng ban đầu để lan tỏa, thu hút các nguồn lực xã hội. Thành phố ưu tiên cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về việc đột phá đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Chương trình, Kế hoạch của Thành phố.

Dòng vốn công này dồn trọng tâm đầu tư cho các dự án lõi không thể xã hội hóa, bao gồm: xây dựng, nâng cấp hạ tầng số dùng chung, trung tâm dữ liệu thành phố, hoàn thiện nền tảng chính quyền số và thiết lập hệ thống phòng thủ an toàn thông tin mạng. Để tối ưu hóa hiệu quả dòng vốn, các Sở, ban, ngành thành phố nghiên cứu, tham mưu, đề xuất đổi mới căn bản phương thức đầu tư, chuyển dịch mạnh mẽ từ mua sắm tài sản phần cứng sang cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Giải pháp này giúp bộ máy hành chính cập nhật nhanh công nghệ mới, giảm tải chi phí bảo trì và tránh nguy cơ lạc hậu thiết bị. Mọi dự án trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư đều phải trải qua khâu thẩm định khắt khe về tính liên thông dữ liệu; tuyệt đối không cấp vốn cho các hệ thống phần mềm khép kín, cục bộ ngành.

2. Nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công tư và FDI

Quá trình số hóa nền kinh tế và kiến tạo đô thị thông minh cần huy động nguồn lực vượt xa khả năng đáp ứng của ngân sách thuần túy. Việc thiết lập cơ chế thông thoáng nhằm khơi thông dòng vốn ngoài ngân sách mang tính quyết định. Thành phố định hướng các tập đoàn công nghệ lớn, doanh nghiệp viễn thông trong nước trực tiếp tham gia đầu tư, vận hành hạ tầng kỹ thuật viễn thông, trạm phát sóng 5G theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Riêng với khu vực kinh tế số, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thế hệ mới giữ vị trí hạt nhân đột phá. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, áp dụng linh hoạt các gói ưu đãi trong khung pháp luật để mời gọi các “đại bàng” công nghệ quốc tế rót vốn vào mạng lưới khu công nghiệp sinh thái, định hình Khu thương mại tự do (FTZ). Điều hướng dòng vốn FDI chảy thẳng vào các dự án cảng biển thông minh, trung tâm logistics tự động, nhà máy sản xuất vi mạch bán dẫn. Nguồn lực ngoại khối này không chỉ giải bài toán khát vốn mà còn mang lại lợi ích kép về chuyển giao công nghệ lõi và tiêu chuẩn quản trị toàn cầu.

3. Bố trí nguồn lực cho phát triển nhân lực số

Hạ tầng máy móc dù tối tân đến đâu cũng không thể phát huy tác dụng nếu thiếu vắng con người vận hành. Nguồn nhân lực công nghệ số chính là tài

sản lớn nhất, quyết định thành bại của toàn bộ chiến lược. Cơ quan tài chính phối hợp cùng Sở Nội vụ tham mưu bố trí nguồn kinh phí thường xuyên bảo đảm cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức công nghệ cho đội ngũ cán bộ, công chức. Đồng thời, phân bổ ngân sách hỗ trợ hoạt động của mạng lưới “Tổ công nghệ số cộng đồng” tại cấp xã nhằm duy trì bền vững phong trào phổ cập kỹ năng số toàn dân.

Đặc biệt, khẩn trương nghiên cứu, trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết về cơ chế tài chính đãi ngộ đặc thù. Cơ chế này thiết kế khung thu nhập vượt trội, phụ cấp thu hút nhằm “trải thảm đỏ” mời gọi các chuyên gia dữ liệu lớn, kỹ sư an ninh mạng từ khu vực tư nhân, chuyên gia quốc tế về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố. Dám chi ngân sách để thu hút trí tuệ nhân tài chính là khoản đầu tư sinh lời cao nhất, kiến tạo xung lực mạnh mẽ đưa chiến lược chuyển đổi số của Hải Phòng về đích thắng lợi.

PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thường trực Thành ủy, giữ vai trò đầu tàu, định hướng chiến lược và tháo gỡ kịp thời những điểm nghẽn mang tính vĩ mô trong toàn trình số hóa. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm điều hành, cụ thể hóa chiến lược thành các chương trình, kế hoạch hành động từng năm; phân bổ nguồn lực hợp lý, bảo đảm tiến độ thực hiện các mục tiêu chính.

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, thủ trưởng các sở, ban, ngành trực tiếp lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Quá trình triển khai phải tuân thủ tuyệt đối phương châm “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ nguyên nhân.

Sở Khoa học và Công nghệ đóng vai trò hạt nhân tham mưu, chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan triển khai thống nhất kiến trúc kỹ thuật và giải pháp công nghệ. Sở Tài chính tư vấn, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách, tạo đòn bẩy thu hút các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện hiệu quả các dự án. Lãnh đạo các cấp tuyệt đối không giao phó, khoán trắng nhiệm vụ hệ trọng này cho lực lượng chuyên trách công nghệ thông tin. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất trước Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về mức độ hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

2. Công tác kiểm tra, giám sát và thông tin báo cáo

Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục, kết hợp với các đợt thanh tra, kiểm tra đột xuất nhằm đánh giá khách quan, trung thực tình hình thực tiễn tại cơ sở. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy chủ trì, phối hợp cùng Hội đồng

nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phát huy tối đa vai trò giám sát, phản biện xã hội. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện làm chiếu lệ, hình thức, thiếu trách nhiệm hoặc tư duy cục bộ, che giấu, cản trở việc kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung.

Chế độ thông tin, báo cáo thực hiện nghiêm ngặt qua hệ thống nền tảng số quản trị tổng thể của thành phố. Các cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá tiến độ công việc định kỳ hàng tháng, sơ kết hàng quý và tổng kết thực hiện hàng năm. Dựa trên dữ liệu thu thập trực tuyến từ Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và tình hình thực tiễn, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tổng hợp, tham mưu kịp thời để rút kinh nghiệm, chủ động điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu, giải pháp cho phù hợp với sự biến động nhanh chóng của xu hướng công nghệ.

3. Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật

Thành phố thống nhất chủ trương đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên đổi số thành một trong những tiêu chí trọng yếu, mang tính bắt buộc để đánh giá, xếp loại thi đua cuối năm. Tiêu chí này được áp dụng trực tiếp trong việc phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, cơ quan hành chính nhà nước các cấp; đồng thời là thước đo đánh giá năng lực cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đặc biệt là vai trò gương mẫu của người đứng đầu.

Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố phối hợp cùng cơ quan chuyên môn tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố ban hành quy chế khen thưởng chuyên đề. Kịp thời biểu dương, tôn vinh, đề xuất khen thưởng đột xuất, xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có sáng kiến đột phá, mô hình hay, mang lại giá trị kinh tế - xã hội thiết thực. Ngược lại, kiên quyết xử lý kỷ luật, xem xét điều chuyển công tác đối với những cán bộ có biểu hiện lơ là, những nhieu, đùn đẩy trách nhiệm, không hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết, làm chậm nhịp độ chuyên đổi số chung của toàn thành phố./.